

BƯỚC TRƯỞNG THÀNH CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

HOÀNG HỮU BÌNH

Công nghiệp hóa chất là một trong những ngành công nghiệp then chốt của nền kinh tế quốc dân và ngày càng có tầm quan trọng to lớn. Nó thâm nhập vào hầu hết các ngành kinh tế khác, tác động mạnh mẽ trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, cung cấp những vật liệu mới, góp phần thúc đẩy nông nghiệp phát triển, giải quyết tốt vấn đề ăn, mặc, ở của nhân dân, nâng cao đời sống và góp phần quan trọng trong sự nghiệp củng cố quốc phòng.

Trong 80 năm dưới ách thống trị của thực dân Pháp, công nghiệp hóa chất ở ta hầu như không có gì. Cao su thiên nhiên với sản lượng hằng năm khá lớn, một số quặng mỏ (như ôxit kẽm, ôxit crôm, apatit) được khai thác và đưa toàn bộ về Pháp để chế biến. Chính sách đó đã kìm hãm không cho ngành hóa chất nước ta phát triển.

Cách mạng tháng Tám thành công, tiếp đó dân tộc ta bước vào cuộc kháng chiến trường kì. Để chống lại chính sách bao vây kinh tế của địch, đồng thời để trực tiếp phục vụ kháng chiến, chúng ta đã xây dựng một số cơ sở hóa chất thủ công như các cơ sở nghiền fôtfat ở Bồ-hạ (Bắc-giang), lang Hít (Thái-nguyên) Nông-cống (Thanh-hóa), Cát-vân (Nghệ-an), và một số loại hóa chất phục vụ cho kĩ nghệ giấy, thủy tinh, mực in v.v... Đáng chú ý nhất, là trong hoàn cảnh cực kì thiếu thốn và khó khăn, các cán bộ và công nhân kĩ thuật đã nghiên cứu và tự sản xuất những loại hóa chất phục vụ quốc phòng, phục vụ i tế: sản xuất axit sunfuaric bằng phương pháp phòng chít, glixêrin từ dầu thảo mộc, axit nitric từ phân dơi v.v... để chế tạo

thuốc nổ (nitroglixêrin), funminat thủy ngân làm ngòi nổ.

Nhưng có thể nói từ sau Hiệp nghị Jonevo (1954), ngành công nghiệp hóa chất mới thực sự ra đời. Trong giai đoạn phục hồi và phát triển kinh tế (1955—1960), công nghiệp hóa chất là một ngành được Đảng và Chính phủ rất quan tâm. Để chuẩn bị cơ sở nguyên liệu sản xuất phân bón, mỏ apatit Lào-cai được khôi phục, từ khâu thăm dò, đánh giá trữ lượng đến trang bị, thiết bị cho sản xuất. Tiếp đó hàng loạt nhà máy được xây dựng: các nhà máy Hóa chất Việt-tri (1959—1961), Cao su Sao vàng (1958—1960), Acqui Hải-phòng (1959—1960), Xupe fôtfat Lâm-thao (1959—1962), Phân lân Văn-diễn (1959—1961), Pin Văn-diễn (1960—1961), Dưỡng khí Yên-viên... Trong thời gian 1955—1960, vốn đầu tư xây dựng cơ bản của ngành hóa chiếm trên 10% tổng số vốn xây dựng cơ bản của toàn ngành công nghiệp.

Bước vào kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961—1965), ngành hóa chất đã được tăng cường để hoàn thành các công trình được khởi công ở những năm trước, đã hoàn thành 7 công trình mới và một số công trình đang tiếp tục xây dựng. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong những năm 1961—1964 chiếm tỉ trọng 12,2% tổng số vốn xây dựng cơ bản cho công nghiệp. Bằng những nỗ lực rất lớn, trong một thời gian ngắn, với phần lớn nguyên liệu trong nước, ngành hóa chất đã tự sản xuất được các loại hóa chất cơ bản phục vụ cho nền kinh tế như axit sunfuaric, xút, hơi hàn, sơn các loại, pin, một số loại chất dẻo các sản phẩm cao su (săm, lốp xe đạp, ô-tô; ống dẫn nước, ống xát gạo, dây cua roa)...

acqui, xi măng và nhất là các loại phân bón và nông dược. Những sản phẩm này đã góp phần thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp khác. Các loại phân bón đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu được với đồng ruộng miền Bắc. Các loại nông dược đã dập tắt được nhiều vụ dịch hại, bảo vệ mùa màng. Ngành hóa chất đã xác định được nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của mình theo như tinh thần của hội nghị Trung ương lần thứ 7 (1962): « Công nghiệp phải phục vụ cho nông nghiệp, trước hết là sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu và nông cụ ».

Cán bộ và công nhân ngành hóa chất đã nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, nhanh chóng tiếp thu những kĩ thuật mới, vươn lên hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, năng suất lao động trong toàn ngành tăng 7,3%, và nâng giá trị tổng sản lượng năm 1964, lên 4 lần so với năm 1960 chiếm 9,5% trong giá trị tổng sản lượng công nghiệp. Chỉ tính riêng giá trị tổng sản lượng phục vụ nông nghiệp, toàn ngành năm 1964 so với năm 1960 tăng 5 lần, trong đó phân bón tăng 7 lần, thuốc trừ sâu tăng 3 lần, ống hút cao su phục vụ thủy lợi tăng 2 lần.

Trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất (1964-1968), đế quốc Mỹ đã đánh phá ác liệt các cơ sở hóa chất. Các nhà máy vừa phải sơ tán, phân tán, vừa phải bảo đảm duy trì sản xuất. Các nhà máy Hóa chất Việt-tri, Dưỡng khí Yên-Viên, Que hàn điện... bị địch đánh phá nặng nề, nhiều phân xưởng bị phá sập, nhưng cán bộ, công nhân vẫn kiên cường giữ vững vị trí của mình và đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu. Sau chiến tranh phá hoại lần thứ nhất (1969), các xí nghiệp, công trường trong ngành đã nhanh chóng khắc phục hậu quả, khôi phục nhà máy, ổn định sản xuất, bắt đầu xây dựng và thực hiện nề nếp quản lí mới. Năng suất lao động toàn ngành vẫn tăng, bình quân hàng năm 8,9%. Đến năm 1971, năng suất lao động của một nhân viên sản xuất công nghiệp vượt 6,6% so với kế hoạch và đạt xấp xỉ năm cao nhất trước chiến tranh (99,5%). Nhiều sản phẩm đạt sản lượng còn cao hơn như phân bón, thủy tinh, pin, săm lốp ô tô, xe đạp... từ 14 đến 38%.

Tháng 4 năm 1972, cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ lại trở nên ác liệt. Với kinh nghiệm sẵn có, các xí nghiệp đã triển khai việc sơ tán, phân tán, di chuyển kho tàng, máy móc và tổ chức sản xuất cho phù hợp với tình hình mới, duy trì sản xuất và bảo

đảm an toàn cho người và tài sản. Nhà máy Pin Văn-diễn, Phân lân Văn-diễn, Hóa chất Đức-giang, Dưỡng khí Yên-viên, Xi măng Hải-phòng... bị đánh phá vô cùng dã man, nhất là những đợt mưa bom của B52 vào những ngày cuối năm 1972. Nhưng ngược với dự tính thâm độc của đế quốc Mỹ, sức mạnh vật chất và tinh thần của ngành hóa không giảm sút. Nhà máy Pin vẫn sản xuất được sản lượng Pin xấp xỉ năm 1970, nhà máy Dưỡng khí Yên-viên sản xuất được khối lượng ôxi bằng 1,5 lần năm 1970, các xí nghiệp khác cũng thực hiện vượt mức kế hoạch năm 1972, như Acqui, Fôtat Vĩnh-thịnh.

Như vậy, từ năm 1964 đến năm 1973, trong hoàn cảnh có chiến tranh, ngành công nghiệp hóa chất đã tích cực thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, chủ động đề ra những biện pháp thích hợp để duy trì và phát triển sản xuất, tự nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và xây dựng được 11 công trình lớn nhỏ như mở rộng nhà máy Xupe fôfát Lâm-thao, mở rộng nhà máy Phân lân Văn-diễn, xưởng nghiền Apatit Lào-cai, nhà máy Đất đèn Trảng-kênh, nhà máy Que hàn điện Thường-lín, nhà máy Sơn Thanh-liệt, nhà máy Đất đèn Lào-cai, mở rộng và cải tạo nhà máy Hóa chất Đức-giang, xưởng Phân lân thủy nhiệt, xưởng Nông dược Vĩnh-thịnh và một số công trình khác. Các công trình này đã đi vào sản xuất, góp phần cung cấp sản phẩm hóa chất ngày một nhiều cho nền kinh tế quốc dân.

Một vài con số chứng minh cho tốc độ phát triển của ngành: nếu lấy đơn vị số lượng xí nghiệp năm 1955 là 1, thì năm 1960 tăng lên 8,3 lần, năm 1960 — 11 lần, năm 1973 — 12,6 lần; giá trị tổng sản lượng năm 1955 là 1, thì năm 1960 tăng lên 6,3 lần, năm 1965 — 30,7 lần năm 1974 — 61,9 lần; riêng phân bón phục vụ nông nghiệp, năm 1955 là 1, thì năm 1960 tăng lên 8 lần, năm 1965 — 22,6 lần, năm 1974 — 53,3 lần.

Đến nay ngành hóa chất đã sản xuất được trên 300 mặt hàng hóa chất các loại, trong đó nhiều loại đạt tiêu chuẩn chất lượng cao.

Cùng với sản xuất và xây dựng cơ bản, công tác khoa học, kĩ thuật trong ngành hóa chất được đặc biệt coi trọng. Những đề tài nghiên cứu được thực hiện từ trung ương đến các đơn vị sản xuất. Hằng năm ở các nhà máy, nhiều sáng kiến cải tiến kĩ thuật ra đời: cải tiến qui trình sản xuất, nâng cao công suất thiết bị và tiết kiệm nguyên vật liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm, thay thế nguyên, vật liệu phải nhập bằng nguyên, vật liệu trong nước, tận dụng các phế liệu, phế phẩm hạ giá thành

và phát triển các mặt hàng mới, v.v... đã góp phần đáng kể vào việc hoàn thành kế hoạch.

Nhiều sáng kiến có giá trị về mặt khoa học, kĩ thuật và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Về cải tiến qui trình sản xuất, nhà máy Phân lân Văn-diễn đã thực hiện tốt phương án đưa gió nóng vào lò cao, tăng năng suất 25%, giảm tiêu hao nhiên liệu 12%, làm hạ giá thành sản phẩm, hằng năm tiết kiệm cho Nhà nước hàng chục vạn đồng. Nhà máy đã cải tạo thiết bị hấp thụ fluo, bảo đảm an toàn cho sản xuất và tránh ô nhiễm môi trường. Nhà máy Hóa chất Việt-tri đã thay đổi qui trình điện phân nước muối trong môi trường trung tính thành điện phân trong môi trường kiềm, mỗi năm tiết kiệm gần 40 tấn HCl. Bằng cải tiến kĩ thuật, nhà máy Xupe fôlfat đã tăng thêm hằng năm được 16,6% xupe lân (quí ra hàng vạn tấn) phục vụ nông nghiệp. Nhà máy Cao su Sao vàng đã thành công trong việc cải tiến máy lưu hóa lốp xe đập từ 1 tầng lên 2 tầng, làm tăng sản lượng lên gấp đôi mà không cần vốn đầu tư lớn và đã chế tạo những máy chuyên dùng hoàn toàn mới, làm phong phú thêm cho kĩ thuật sản xuất như máy cắt tanh tự động, máy hàn tanh... Nhà máy Pin Văn-diễn đã tự thiết kế chế tạo máy hàn pin. Nhà máy Acqui Hải-phòng đã chế tạo thành công máy đúc bi chì, máy ép vỏ bình acqui,... Những loại máy mới đó đã góp phần cơ giới hóa sản xuất, tăng năng suất lao động và giảm những khâu lao động nặng nhọc.

Viện Hóa học công nghiệp và Nhà máy Phân lân Văn-diễn đã nghiên cứu thành công sử dụng quặng apatit loại II thay loại I vào sản xuất phân lân nung chảy bằng lò đứng, mở ra nguồn nguyên liệu mới vô cùng dồi dào, Nhà máy cao su Sao vàng đã thay thế được toàn bộ cao su thiên nhiên phải nhập của nước ngoài bằng cao su từ các nông trường trên miền Bắc, Nhà máy Sơn tổng hợp đã thay thế dầu thực vật phải nhập của nước ngoài bằng các loại dầu khai thác trong nước, đảm bảo sản phẩm có chất lượng cao, vừa chủ động trong sản xuất, vừa tiết kiệm ngoại tệ. Nhà máy Acqui Hải-phòng đã chế tạo thành công lá cách cao su xốp rất phù hợp với tình hình nguyên liệu và sử dụng ở nước ta.

Nhiều nguồn phế phẩm, phế liệu đã được nghiên cứu chuyển thành nguồn cung cấp sản phẩm mới. Từ bã thải của quá trình sản xuất axit sunfuaric, đã thu hồi được Xelen tinh khiết 99,8% dùng trong công nghiệp điện và điện tử, công nghiệp thủy tinh, công nghiệp luyện kim đen và màu... phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Khí Fluo

từ ống khói nhà máy gây ô nhiễm môi trường đã được chuyển hóa thành Na_2SiF_6 và NaF , pha chế thành thuốc bảo quản gỗ, trừ nấm mốc và mối mọt. Việc thu hồi xỉ niken đáy lò trong sản xuất phân lân làm lợi cho Nhà nước mỗi năm hàng trăm nghìn đồng.

Nhiều mặt hàng hóa chất mới ra đời, hằng năm cung cấp cho nhu cầu của các ngành kinh tế khác, tuy số lượng không nhiều nhưng lại không thể thiếu được. Việc điều chế các loại hóa chất tinh khiết (loại P và PA) dùng trong các phòng thí nghiệm nghiên cứu và các phòng phân tích ở nhà máy ngày một mở rộng và nâng cao chất lượng.

Công tác phát huy sáng kiến hợp lí hóa sản xuất được duy trì thường xuyên và đã biến thành phong trào quần chúng. Nó thể hiện tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám sáng tạo, ý thức tự lực, tự cường của đông đảo công nhân và cán bộ kĩ thuật, đồng thời cũng nói lên được tay nghề và trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công nhân ngày một nâng cao.

Viện Hóa học công nghiệp đã hoàn thành có chất lượng nhiều đề tài nghiên cứu và đã biết kết hợp chặt chẽ nghiên cứu với sản xuất. Các loại hóa chất nông dược mới, phục vụ nông nghiệp và i tế đã nghiên cứu thành công như thuốc trừ sâu Clorotepin, Dipteret, Dêtegam, Gamatoc, thuốc diệt ruồi Diruphot, thuốc bảo quản kho Bêcaphot, thuốc trừ nhện Zinhetoc, Zinhesun; thuốc trừ nấm bệnh Dina-T, Dina-L, Dina-K Ziram, Zinep, Can-kexit; thuốc trừ cỏ 2,4D, NaPCP, các chất kích thích tố 126, 200, 202 (trên cơ sở hoạt chất axit α -naftylaxetic, -naftoxyaxetic, 2, 4D) thuốc kích thích tăng lượng sữa cao su Kilimu, chất gây đột biến EI, DMS, DFS, chất tuyệt sinh Tepa, Thiotepe, thuốc hấp dẫn ruồi vàng mêtyla ojeñoła. Viện đã phối hợp với các cơ sở khác, xây dựng xưởng phân lân thủy nhiệt 6 000t/năm làm thức ăn cho gia súc, đã nghiên cứu thành công việc cốc hóa antraxit và đang xây dựng hệ thống sản xuất nội địa dùng trong sản xuất phân lân nung chảy thay thế cho than cốc mua của nước ngoài v.v... Nhiều đề tài nghiên cứu khác đã hoàn thành giai đoạn trong phòng thí nghiệm và chuẩn bị đưa vào sản xuất.

Đội ngũ cán bộ và công nhân kĩ thuật có phẩm chất chính trị tốt, trình độ chuyên môn khá ngày thêm đông đảo. Đó là vốn rất quý để phát triển ngành. Số cán bộ nghiên cứu, phụ trách sản xuất, quản lí kĩ thuật và kinh tế trong 10 năm qua tăng 10 lần, trên 50% có

(Xem tiếp trang 38)